

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguyên ngân sách	Nguồn khác								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
614	Máy lạnh LG 2 HP V18ENFN (3)		1	17.714,00	17.714,00		8.857,00							
615	Máy tính LCD Dell 1GB PKCTN		1	7.455,57	7.455,57									
616	Máy tính LCD Dell 1GB PKHCB 1		1	7.455,57	7.455,57									
617	Máy photo 2020(mức, kệ) PKH-HTQT		1	34.505,00	34.505,00									
618	Trụ đèn STK cao 8m Q9 17		1	6.201,00	6.201,00		3.875,62							
619	Máy tính học viên Pentium 4-2.8 GHz 5		1	7.500,00	7.500,00									
620	Máy tính học viên Pentium 4-2.8 GHz 15		1	7.500,00	7.500,00									
621	Máy tính học vìn Cpu intel Core E6600, 3.06Ghz 10		1	7.825,00	7.825,00									
622	Máy tính học vìn Cpu intel Core E6600, 3.06Ghz 45		1	7.825,00	7.825,00									
623	Máy tính học vìn Cpu intel Core E6600, 3.06Ghz 52		1	7.825,00	7.825,00									

DVT cho: Số lượng là: Cái, Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai											Mục đích sử dụng				
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác					
					Trong đó														
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)					
624	Máy tính học vịn Cpu intel Core E6600, 3.06Ghz 57		1	7.825,00	7.825,00														
625	Máy tính học vịn Cpu intel Core E6600, 3.06Ghz 60		1	7.825,00	7.825,00														
626	Máy tính học vịn Pentium 4-2.8 GHz 28		1	7.500,00	7.500,00														
627	Máy tính học vịn Pentium 4-2.8 GHz 30		1	7.500,00	7.500,00														
628	Máy lạnh LG 2HP 2 khối 1		1	16.500,00	16.500,00														
629	Bàn hợp + 6 ghế Hòa Phát		1	10.320,00	10.320,00		3.870,00												
630	Máy bảo gỗ mặt Schepach Model 2600		1	33.087,13	33.087,13														
631	Máy phun sơn ABAC		1	10.305,00	10.305,00														
632	Máy trộn bê tông 350		1	28.500,00	28.500,00														
633	Máy đo nhiệt thủy hoá xi măng E061N Matec Y/EU		1	235.606,81	235.606,81		164.924,77												

ĐV1 cho: Số lượng là: Cũ: Giá trị là: Nghỉm đóng

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguyên sách									Nguyên khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
634	Thiết bị kiểm tra cường độ bám dính của vữa		1	286.793,86	286.793,86		172.076,32							
635	Máy hàn ống PP-R Huajin TQ 1		1	8.638,92	8.638,92		6.047,24							
636	Máy may công nghiệp SIT/S2T Sunsir TQ 10		1	8.508,02	8.508,02		5.955,62							
637	Máy tính, tài nghệ chuyên dùng, các thiết bị đi kèm 6		1	13.739,00	13.739,00		2.747,80							
638	Tủ đựng trong phòng		1	6.617,92	6.617,92		3.970,75							
639	Đảm cạnh (đảm thước) 1		1	9.024,34	9.024,34		5.414,60							
640	Dụng cụ đo chiều dài 3		1	26.693,46	26.693,46		16.016,07							
641	Ống thủy laze zero-kjy 1		1	17.909,71	17.909,71		2.238,71							
642	Máy ảnh kỹ thuật số wg40 1		1	6.888,35	6.888,35									
643	Đường trường học		1	318.240,00	318.240,00									

DVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai															Mục đích sử dụng				
STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác					
					Trong đó	Nguồn khác													
															Nguồn ngân sách				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)					
644	Tủ nhôm kính để đồ phòng LAB		1	11.606,36	11.606,36		5.803,18												
645	Máy tính LCD Dell IGB P402 6		1	7.455,57	7.455,57														
646	Máy tính LCD Dell IGB P4DT 2		1	7.455,57	7.455,57														
647	Máy tính LCD Dell IGB PKXD 2		1	7.455,57	7.455,57														
648	Phần mềm quản lý thư viện		1	358.965,00	358.965,00														
649	Trụ đèn STK cao 8m Q9 9		1	6.201,00	6.201,00		3.875,62												
650	Trụ đèn STK cao 8m Q9 7		1	6.201,00	6.201,00		3.875,62												
651	Trụ đèn STK cao 8m Q9 25		1	6.201,00	6.201,00		3.875,62												
652	Trụ đèn STK cao 8m Q9 26		1	6.201,00	6.201,00		3.875,62												
653	Máy tính học viên Pentium 4-2,8 GHz 31		1	7.500,00	7.500,00														

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguyên ngân sách	Nguồn khác								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
654	Máy tính học viên Pentium 4-2.8 GHz 43		1	7.500,00	7.500,00									
655	Máy tính Dell màn hình 14 inch Intel Core i7; Ram 8G KXD 2		1	19.000,00	19.000,00		7.600,00							
656	Máy lạnh LG, F24CN 3		1	13.898,50	13.898,50									
657	Máy lạnh 1 chiều Daikin 5		1	19.633,90	19.633,90		9.816,95							
658	Máy vận thăng LX 7623		1	23.100,00	23.100,00									
659	Máy cắt Plasma Đức		1	57.850,00	57.850,00									
660	Máy kính vĩ quang học NT-2CD 7		1	17.900,00	17.900,00									
661	Máy chà nhám gỗ Scheppach (Đức)		1	25.243,02	25.243,02									
662	Máy uốn ống thủy lực cầm tay HMSYW3 TQ		1	14.398,19	14.398,19		10.078,74							
663	Máy tính để bàn (chuyên đồ họa) Lenovo TQ 3		1	51.702,61	51.702,61		36.191,82							

BVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
					Trong đó	Nguồn khác								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
664	Máy tính để bàn (chuyên đồ họa) Lenovo TQ 6		1	51.702,61	51.702,61		36.191,82							
665	Máy tính để bàn (chuyên đồ họa) Lenovo TQ 12		1	51.702,61	51.702,61		36.191,82							
666	Máy tính xách tay chuyên dụng X509J (X509JA-EJ021T) Asus TQ 4		1	16.361,58	16.361,58		11.453,11							
667	Máy nền - uốn xi măng 500 / 15KN tự động hoàn toàn		1	441.220,48	441.220,48		264.732,29							
668	Máy khoan lấy mẫu lõi		1	90.449,70	90.449,70		54.269,82							
669	Máy tính để bàn thương hiệu VN 38		1	14.339,20	14.339,20		8.603,52							
670	Máy chiếu Dell P318S 2018 16		1	12.892,00	12.892,00									
671	Bể xử lý nước thải		1	812.271,95	812.271,95		690.431,15							
672	Máy kéo thép van nâng 200 tấn WEW-2000B Jinyuan TQ		1	1.258.533,05	1.258.533,05		880.973,13							
673	Dây chuyền sản xuất gạch không nung 2		1	1.999.999,99	1.999.999,99		1.200.000,00							

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
674	Máy in LaserJet 402DN		1	6.550,00	6.550,00		1.310,00							
675	Máy tính Dell		1	16.830,00	16.830,00		3.366,00							
676	Máy tính LCD Dell 1GB P402 1		1	7.455,57	7.455,57									
677	Máy tính LCD Dell 1GB P402 12		1	7.455,57	7.455,57									
678	Máy tính LCD Dell 1GB P.KTQLXD 1		1	7.455,57	7.455,57									
679	Máy lạnh LG 2 cục 1 chiều 2HP P.KHHQT 1		1	15.850,00	15.850,00									
680	Máy lạnh Nhà khách		1	5.892,00	5.892,00									
681	Bồn nước Inox 3m3 và giá đỡ Q9		1	37.205,98	37.205,98		23.253,73							
682	Trụ đèn STK cao 8m Q9 22		1	6.201,00	6.201,00		3.875,62							
683	Máy tính DNA Pentium 11		1	9.522,50	9.522,50									

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai											Mục đích sử dụng				
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác					
					Trong đó														
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)					
684	Máy tính học vịn Cpu intel Core E6600, 3.06Ghz 50		1	7.825,00	7.825,00														
685	Máy tính học vịn Pentium 4-2.8 GHz 41		1	7.500,00	7.500,00														
686	tủ đựng hồ sơ 4 cánh		1	5.300,00	5.300,00														
687	Máy chiếu Panasonic (phòng đa năng) 2		1	60.478,00	60.478,00														
688	Máy kính vĩ quang học NT-2CD 2		1	17.900,00	17.900,00														
689	Máy chiếu đa năng PANASONIC PT-LB2EA 2		1	24.650,00	24.650,00														
690	Tô vít dòng 2 chiều TD 137 DRTX 9		1	11.414,98	11.414,98		1.426,87												
691	Tô vít dòng 2 chiều TD 137 DRTX 20		1	11.414,98	11.414,98		1.426,87												
692	Máy chiếu Panasonic PT-LB 51EA 7		1	23.400,30	23.400,30														
693	Máy chiếu Panasonic PT-LB 51EA 10		1	23.400,30	23.400,30														

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguyên ngân sách	Nguyên khác								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
694	Máy lọc sàng ZBSX - 92A, đường kính 200&300mm		1	7.106,53	7.106,53									
695	Máy tính bộ core I5 Vostro 3671 MT Dell Malaysia		1	19.633,90	19.633,90		13.743,73							
696	Lu dất tay TWR750ND TACOM Nhật		1	86.389,16	86.389,16		60.472,41							
697	Máy trát tường (tự động)		1	137.880,71	137.880,71		82.728,43							
698	Máy thi nghiệm uốn gạch		1	198.548,66	198.548,66		119.129,20							
699	Máy uốn thép đai tại công trường 1		1	109.803,64	109.803,64		65.882,19							
700	Máy siêu âm bê tông		1	282.381,55	282.381,55		169.428,93							
701	Máy xác định chiều dày lớp phủ bê tông bảo vệ, xác định vị trí, đường kính cốt thép bên trong kết cấu bê tông		1	352.976,38	352.976,38		211.785,83							
702	Máy may công nghiệp S1T/S2T Sunsir TQ 3		1	8.508,02	8.508,02		5.955,62							

DVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai															Mục đích sử dụng									
STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác										
					Trong đó																			
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác																		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)										
703	Máy thủy bình NA332 LEICA TQ 1		1	7.984,45	7.984,45		5.589,12																	
704	Máy chiếu Dell P318S 3		1	12.892,00	12.892,00		2.578,40																	
705	Tủ lớp học		1	6.617,92	6.617,92		3.970,75																	
706	Máy thư thăm bê tông		1	66.182,52	66.182,52		39.709,51																	
707	Cổng và hàng rào (Cơ sở 2)		1	2.300.041,03	2.300.041,03		1.610.028,72																	
708	Hàng rào KTX	Ký túc xá	1	52.889,85	52.889,85																			
709	Máy lạnh 2HP panasonic KC18PKH 4		1	17.600,00	17.600,00																			
710	Máy tính LCD Dell IGB TTN		1	7.455,57	7.455,57																			
711	Máy tính LCD Dell IGB P.TCHC 1		1	7.455,57	7.455,57																			
712	Máy tính LCD Dell IGB P.TCKT 3		1	7.455,57	7.455,57																			

DVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguyên sách									Nguyên khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
713	Máy tính LCD Dell 1GB P.VLXD 1		1	7.455,57	7.455,57									
714	Máy tính LCD Dell 1GB P.KXD 5		1	7.455,57	7.455,57									
715	Máy lạnh P.Hội trường 2		1	10.305,00	10.305,00									
716	Phần mềm quản lý đào tạo		1	484.000,00	484.000,00									
717	Đầu đọc mã vạch		1	13.860,00	13.860,00									
718	Máy tính học viên Pentium 4-2.8 GHz 1		1	7.500,00	7.500,00									
719	Máy tính học viên Pentium 4-2.8 GHz 23		1	7.500,00	7.500,00									
720	Máy tính học viên Pentium 4-2.8 GHz 24		1	7.500,00	7.500,00									
721	Máy thành viên TS 702 10		1	7.392,00	7.392,00									
722	Máy tính học vin Cpu intel Core E6600, 3.06Ghz 36		1	7.825,00	7.825,00									

DVT cho: Số lượng là: Cái, Giá trị là: Nghìn đồng.

Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai															Mục đích sử dụng					
STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác						
					Trong đó															
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác														
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)						
723	Máy tính học viên Pentium 4-2.8 GHz 33		1	7.500,00	7.500,00															
724	Máy tính học viên Pentium 4-2.8 GHz 47		1	7.500,00	7.500,00															
725	máy lạnh 2 cục National, ống . Ke		1	8.580,00	8.580,00															
726	ôn áp lica 30 KVA		1	7.488,00	7.488,00															
727	Máy chiếu Panasonic PT-LB 51EA 14		1	23.400,30	23.400,30															
728	Bộ thước xác định hàm lượng hạt thời diệt theo TC Châu Âu A071/A070 Matest Ý/EU		1	11.518,56	11.518,56		8.062,99													
729	Máy tính, tài nghệ chuyên dùng, các thiết bị đi kèm 13		1	13.739,00	13.739,00		2.747,80													
730	Máy tính để bàn FPT 4		1	12.443,26	12.443,26		2.488,65													
731	Dụng cụ chia mẫu cốt liệu 1m (25,4mm)		1	6.617,92	6.617,92		3.970,75													
732	Máy trộn vữa xi măng		1	36.180,10	36.180,10		21.708,06													

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai				Mục đích sử dụng						Liên doanh liên kết	Cho thuê	Sử dụng khác
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh					
				Tổng cộng	Trong đó											
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		
733	Máy tính để bàn thương hiệu VN 36		1	14.339,20	14.339,20		8.603,52									
734	Máy chiếu Dell P318S 2018 5		1	12.892,00	12.892,00											
735	Máy chiếu Dell P318S 2018 6		1	12.892,00	12.892,00											
736	Hàng rào NLV - TV		1	50.760,90	50.760,90											
737	Máy lạnh Panasonic 2HP		1	16.412,00	16.412,00		2.051,50									
738	Máy tính (P.TT)		1	5.100,00	5.100,00											
739	Máy lạnh (KH)		1	15.040,00	15.040,00											
740	Máy tính LCD Dell 1GB P402 10		1	7.455,57	7.455,57											
741	Máy tính LCD Dell 1GB P.KTQLXD 2		1	7.455,57	7.455,57											
742	Máy lạnh LG 2 cục P.CTHSSV 1		1	15.850,00	15.850,00											

DVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Ngìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai					Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó										
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	
743	Máy lạnh Nhà khách 2		1	6.000,00	6.000,00										
744	Máy lạnh (nhà 5 tầng) VPD		1	10.305,00	10.305,00										
745	Hệ thống âm thanh: (amli)		1	61.660,50	61.660,50										
746	Máy tính DNA Pentium 1		1	9.522,50	9.522,50										
747	Máy tính DNA Pentium 12		1	9.522,50	9.522,50										
748	Máy tính học viên Pentium 4-2,8 GHz 7		1	7.500,00	7.500,00										
749	Máy tính học viên Cpu intel Core E6600, 3.06Ghz 6		1	7.825,00	7.825,00										
750	Máy tính học viên Cpu intel Core E6600, 3.06Ghz 14		1	7.825,00	7.825,00										
751	Máy tính học viên Cpu intel Core E6600, 3.06Ghz 37		1	7.825,00	7.825,00										
752	Máy tính học viên Cpu intel Core E6600, 3.06Ghz 49		1	7.825,00	7.825,00										

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguyên ngân sách	Nguyên khác								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
753	Máy tính học viên Pentium 4-2.8 GHz 34		1	7.500,00	7.500,00									
754	Máy tính học viên Pentium 4-2.8 GHz 50		1	7.500,00	7.500,00									
755	Máy in HP Laser Jet 1160 1		1	6.655,00	6.655,00									
756	Máy in HP Laser Jet 1160 2		1	6.655,00	6.655,00									
757	Máy đục bê tông Makita MH		1	14.110,00	14.110,00									
758	Máy chiếu đa năng PANASONIC PT-LB2EA 5		1	24.650,00	24.650,00									
759	Máy chiếu đa năng PANASONIC PT-LB2EA 6		1	24.650,00	24.650,00									
760	Tô vít dòng 2 chiều TD 137 DRTX 6		1	11.414,98	11.414,98		1.426,87							
761	Tô vít dòng 2 chiều TD 137 DRTX 19		1	11.414,98	11.414,98		1.426,87							
762	Máy chiếu Panasonic PT-LX26HEA 3		1	14.800,00	14.800,00									

DVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

BVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Ngìn đồng														
STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai							Mục đích sử dụng			
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
					Trong đó	Nguồn khác								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
763	Máy cưa vòng Mantis Rex XB180		1	29.250,87	29.250,87									
764	Máy chiếu sony VPL - DX111 8		1	9.900,00	9.900,00									
765	Máy phun sơn bột bả KT-989TD Đài Loan		1	32.723,17	32.723,17		22.906,22							
766	Máy cắt xốp Trung Quốc 1		1	11.780,34	11.780,34		8.246,24							
767	Máy hàn điện tử TIG-400AM Legi TQ		1	18.979,44	18.979,44		13.285,61							
768	Máy bơm nước 3 pha Ebara Liên doanh 1		1	10.471,41	10.471,41		7.329,99							
769	Máy hàn ống PP-R Hujain TQ 2		1	8.638,92	8.638,92		6.047,24							
770	Máy tính, tài nghệ chuyên dùng, các thiết bị đi kèm 11		1	13.739,00	13.739,00		2.747,80							
771	Máy cắt mẫu bê tông		1	48.534,36	48.534,36		29.120,62							
772	Máy chiếu Dell P318S 2018 15		1	12.892,00	12.892,00									

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguyên ngân sách									Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
773	Máy lạnh 2HP panasonic KC18PKH 1		1	17.600,00	17.600,00									
774	Máy lạnh LG 2 cục 1 chiều 2HP P.KXD		1	15.850,00	15.850,00									
775	Máy lạnh P.Hội trường 1		1	10.305,00	10.305,00									
776	Hệ thống amply-loa		1	32.000,00	32.000,00									
777	Trụ đèn STK cao 8m Q9 1		1	6.201,00	6.201,00		3.875,62							
778	Trụ đèn STK cao 8m Q9 3		1	6.201,00	6.201,00		3.875,62							
779	Trụ đèn STK cao 8m Q9 4		1	6.201,00	6.201,00		3.875,62							
780	Trụ đèn STK cao 8m Q9 24		1	6.201,00	6.201,00		3.875,62							
781	Máy tính học vịn Cpu intel Core E6600, 3.06Ghz 17		1	7.825,00	7.825,00									
782	Máy tính học vịn Cpu intel Core E6600, 3.06Ghz 23		1	7.825,00	7.825,00									

DVT cho: Số lượng là: Cái, Giá trị là: Nghìn đồng.

DVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Ngân đồng.														
Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai														
STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
783	Máy tính học voin Cpu intel Core E6600, 3.06Ghz 31		1	7.825,00	7.825,00									
784	Máy tính học viên Pentium 4-2.8 GHz 49		1	7.500,00	7.500,00									
785	Máy điều hòa 1 HP National		1	10.241,00	10.241,00									
786	Máy tuyền bê tông 165		1	19.200,00	19.200,00									
787	Máy xoa nền Robin EY 20 SHP		1	21.430,00	21.430,00									
788	Máy chiếu đa năng Panasonic LB60NTEA Asilumen 3200 3		1	35.000,00	35.000,00						X			
789	Máy tuyền bê tông 425		1	29.100,00	29.100,00									
790	Tô vít dồng 2 chiều TD 137 DRTX 3		1	11.414,98	11.414,98		1.426,87							
791	Công xếp inox		1	53.460,00	53.460,00									
792	Máy chiếu Panasonic PT-LB 51EA 6		1	23.400,30	23.400,30									

DVT cho: Số tương là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách									Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
793	Máy hàn điện 300A 1 chiều I		1	8.570,00	8.570,00									
794	Máy tính để bàn (chuyên đồ họa) Lenovo TQ 7		1	51.702,61	51.702,61		36.191,82							
795	Máy chủ ThinkSystem SR530 Lenovo TQ		1	117.803,41	117.803,41		82.462,38							
796	Máy khoan rút lõi nền đường BT nhựa / Máy khoan rút lõi bê tông DK-10DS Doo Hyeon Hàn Quốc		1	102.750,75	102.750,75		71.925,52							
797	Kính soi vết nứt C399 Matest Ý/EU		1	45.812,44	45.812,44		32.068,70							
798	Máy đo DO (Dissolved oxygen) HI9142 Hanna EU		1	12.827,48	12.827,48		8.979,24							
799	Máy may công nghiệp S1T/S2T Sunsir TQ 8		1	8.508,02	8.508,02		5.955,62							
800	Máy xoa nền bê tông		1	13.035,03	13.035,03		7.821,02							
801	Thép H 300 thanh dài 6m 1		1	10.528,21	10.528,21		6.316,93							
802	Máy phun sơn (CTMT 2019)		1	35.096,61	35.096,61		21.057,96							

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

BVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Ngân đồng															
STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai								Mục đích sử dụng			
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
					Trong đó	Nguồn ngân sách									Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)												
803	Máy tạo ren nổi thép (coupler)		1	49.937,83	49.937,83		29.962,70								
804	Dụng cụ đo chiều dài 1		1	26.693,46	26.693,46		16.016,07								
805	Máy tính để bàn thương hiệu VN 32		1	14.339,20	14.339,20		8.603,52								
806	Máy chiếu Dell P318S 2018 18		1	12.892,00	12.892,00										
807	Ông thủy laze zero-ky 2		1	17.909,71	17.909,71		2.238,71								
808	Hệ thống camera (1 đầu ghi Dahua 16 kênh + 2 camera IP thân trụ hồng ngoại 2mp Dahua)		1	14.914,80	14.914,80		13.050,45								
809	Máy in canon LBP 151dw		1	5.060,00	5.060,00										
810	Tủ hồ sơ tài liệu (HT)		1	10.340,00	10.340,00										
811	Máy tính LCD Dell IGB P.TV 1		1	7.455,57	7.455,57										
812	Máy tính LCD Dell IGB P.KXD 4		1	7.455,57	7.455,57										

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
813	Máy lạnh Nhà khách 1		1	6.000,00	6.000,00									
814	Trụ đèn STK cao 8m Q9 31		1	6.201,00	6.201,00		3.875,62							
815	Máy tính học viên Pentium 4-2.8 GHz 8		1	7.500,00	7.500,00									
816	Máy tính học vìn Cpu intel Core E6600, 3.06Ghz 26		1	7.825,00	7.825,00									
817	Máy tính học viên Pentium 4-2.8 GHz 32		1	7.500,00	7.500,00									
818	Máy tính giáo viên Pentium 4-3.06 GHz		1	11.800,00	11.800,00									
819	Salon gỗ tiếp khách(1 bàn,4 ghế) 1		1	5.100,00	5.100,00									
820	Máy kinh vĩ quang học NT-2CD 3		1	17.900,00	17.900,00									
821	Máy kinh vĩ quang học NT-2CD 6		1	17.900,00	17.900,00									
822	Máy chiếu đa năng PANASONIC PT-LB2EA 8		1	24.650,00	24.650,00									

DVT cho: Số lượng là: Cái, Giá trị là: Nghìn đồng.

Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai															Mục đích sử dụng					
STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác						
				Tổng cộng	Trong đó															
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác														
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)						
823	Máy kinh vĩ điện tử NIKON-NE S 20, Nhật		1	28.050,00	28.050,00															
824	Máy tính để bàn (chuyên đồ họa) Lenovo TQ 11		1	51.702,61	51.702,61		36.191,82													
825	Bể điều nhiệt kỹ thuật số sisy-3 Zhejiang Tugong TQ		1	19.633,90	19.633,90		13.743,73													
826	Máy may công nghiệp SIT/S21 Sunsir TQ 9		1	8.508,02	8.508,02		5.955,62													
827	Máy tính, tai nghe chuyên dùng, các thiết bị đi kèm 16		1	13.739,00	13.739,00		2.747,80													
828	Máy tính, tai nghe chuyên dùng, các thiết bị đi kèm 17		1	13.739,00	13.739,00		2.747,80													
829	Kệ kim loại kích thước 3,2x2,5m		1	8.250,00	8.250,00		4.950,00													
830	Máy Laser đo chiều cao - khoảng cách 1		1	9.877,23	9.877,23		5.926,34													
831	Máy tính để bàn thương hiệu VN 16		1	14.339,20	14.339,20		8.603,52													
832	Máy chiếu Dell P318S 2018 21		1	12.892,00	12.892,00															

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguyên ngân sách	Nguồn khác								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
833	Máy chiếu Dell P318S 2018 25		1	12.892,00	12.892,00									
834	Máy chiếu Dell P318S 2018 29		1	12.892,00	12.892,00									
835	Cửa điện 5735 C 4		1	6.199,52	6.199,52		774,94							
836	Sân bóng đá (01 sân mini) (cơ sở 2)		1	895.070,08	895.070,08		716.056,06							
837	Máy in canon LBP 151 (1)		1	5.060,00	5.060,00									
838	Máy in laser HP (in 2 mặt)		1	6.649,50	6.649,50									
839	Thiết bị hạ tầng mạng theo HD số 20160401/HĐKT/ON E-CDXD		1	114.479,31	114.479,31									
840	Máy tính LCD Dell 1GB P.KTX 2		1	7.455,57	7.455,57									
841	Máy lạnh (nhà 5 tầng) 4		1	10.305,00	10.305,00									
842	Trụ đèn STK cao 8m Q9 27		1	6.201,00	6.201,00		3.875,62							

DVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
					Trong đó	Nguồn ngân sách								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
843	Máy tính học viên Pentium 4-2,8 GHz 14		1	7.500,00	7.500,00									
844	Máy tính học viên Cpu intel Core E6600, 3.06Ghz 22		1	7.825,00	7.825,00									
845	Máy chủ TS 701		1	8.415,00	8.415,00									
846	Máy lạnh 1 chiều Daikin 3		1	19.633,90	19.633,90	9.816,95								
847	Máy photocopy KYOCERA TASKalfa - 220 1		1	38.720,00	38.720,00									
848	Bộ cứng VEBE model VBR -1		1	7.022,93	7.022,93									
849	Máy đục bê tông BOSCH		1	14.520,00	14.520,00									
850	Máy thủy chuẩn (Nikon)A-C-2S,360 7		1	10.600,00	10.600,00									
851	Máy thủy chuẩn (Nikon)A-C-2S,360 3		1	10.600,00	10.600,00									
852	Máy thủy chuẩn (Nikon)A-C-2S,360 4		1	10.600,00	10.600,00									

BVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách									Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
853	Tô vít dòng 2 chiều TD 137 DRTX 8		1	11.414,98	11.414,98		1.426,87							
854	Máy chiếu Panasonic PT-LB 51EA 1		1	23.400,30	23.400,30									
855	Máy nước nóng, lạnh, nguội CD3 Pucomtech		1	7.050,00	7.050,00									
856	Máy chiếu sony VPL - DX111 3		1	9.900,00	9.900,00									
857	Máy in laser khổ A3, kết nối mạng LBP 8100N Canon		1	23.560,68	23.560,68		16.492,48							
858	Máy uốn thép đai tại công trường 2		1	109.803,64	109.803,64		65.882,19							
859	Máy thủy bình NA332 LEICA TQ 2		1	7.984,45	7.984,45		5.589,12							
860	Máy tính, tài nghệ chuyên dùng, các thiết bị đi kèm 5		1	13.739,00	13.739,00		2.747,80							
861	Máy tính để bàn FPT 9		1	12.443,26	12.443,26		2.488,65							
862	Máy đàm bàn (đồng cơ máy nổ)		1	16.043,88	16.043,88		9.626,33							

BVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT		Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai										Mục đích sử dụng				
					Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác				
						Trong đó													
						Nguồn ngân sách	Nguồn khác												
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)					
863	Máy toàn đặc điện tử		1	60.165,93	60.165,93		36.099,56												
864	Máy tính để bàn thương hiệu VN 15		1	14.339,20	14.339,20		8.603,52												
865	Máy tính để bàn thương hiệu VN 19		1	14.339,20	14.339,20		8.603,52												
866	Máy tính để bàn thương hiệu VN 24		1	14.339,20	14.339,20		8.603,52												
867	Máy nền bê tông 3000kN tự động hoàn toàn		1	551.526,15	551.526,15		330.915,69												
868	Máy tính xách tay Dell Vostro (V3578C)		1	19.720,00	19.720,00		3.944,00												
869	Máy lạnh LG 2.0HP		1	14.430,00	14.430,00														
870	Trụ đèn STK cao 8m Q9 33		1	6.201,00	6.201,00		3.875,62												
871	Máy tính DNA Pentium 10		1	9.522,50	9.522,50														
872	Máy tính học viên Pentium 4-2.8 GHz 17		1	7.500,00	7.500,00														

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách									Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
873	Máy lạnh 1 chiều Daikin 2		1	19.633,90	19.633,90		9.816,95							
874	Bàn xóc nhảy ZS - 15		1	10.617,99	10.617,99									
875	Máy uốn tôn 1,5ly Đan mạch		1	24.100,00	24.100,00									
876	Máy thủy chuẩn (Nikon)AC-2S,360 10		1	10.600,00	10.600,00									
877	Máy chiếu Panasonic PT-LX26HEA 1		1	14.800,00	14.800,00									
878	Đảm dùi xăng		1	7.500,00	7.500,00									
879	Máy hàn điện xoay chiều 300A 1		1	5.000,00	5.000,00									
880	Máy chiếu sony VPL - DX111 10		1	9.900,00	9.900,00									
881	Bộ thí nghiệm Bentonite Cat.no 161-10 Ofite Mỹ/G7		1	62.828,48	62.828,48		43.979,94							
882	Máy chiếu Dell P318S 4		1	12.892,00	12.892,00		2.578,40							

BVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai					Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
					Trong đó	Nguồn ngân sách								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
883	Cân bàn điện từ 150kg / 0,02kg		1	8.523,41	8.523,41		5.114,05							
884	Tivi samsung 43inch		1	9.390,00	9.390,00		1.878,00							
885	Máy tính để bàn thương hiệu VN 37		1	14.339,20	14.339,20		8.603,52							
886	Máy chiếu Dell P318S 2018 23		1	12.892,00	12.892,00									
887	Máy chiếu Dell P318S 2018 28		1	12.892,00	12.892,00									
888	Máy nén Marshall HM-5030.3F Humboldt Mỹ		1	876.980,91	876.980,91		613.886,64							
889	Mua máy tính (TCHC)		1	5.100,00	5.100,00									
890	Máy vi tính (TCKT) (2)		1	7.120,00	7.120,00									
891	Máy tính LCD Dell IGB P.TB		1	7.455,57	7.455,57									
892	Máy tính LCD Dell IGB P.KHCB 2		1	7.455,57	7.455,57									

ĐVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguyên ngân sách	Nguyên khác								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
893	Máy lạnh LG 2 cục 1 chiều 2HP P.QT		1	15.850,00	15.850,00									
894	Bồn nước Inox 5000l năm		1	15.365,00	15.365,00		7.682,50							
895	Hệ thống lọc nước bằng đèn tia cực tím UV/MB8		1	24.505,00	24.505,00									
896	Trụ đèn STK cao 8m Q9 18		1	6.201,00	6.201,00		3.875,62							
897	Máy tính học vin Cpu intel Core E6600, 3.06Ghz 9		1	7.825,00	7.825,00									
898	Máy tính học vin Cpu intel Core E6600, 3.06Ghz 32		1	7.825,00	7.825,00									
899	Máy tính học viên Pentium 4-2.8 GHz 35		1	7.500,00	7.500,00									
900	Máy uốn ống thủy lực S&M.Model: F-16		1	10.021,20	10.021,20									
901	Máy chiếu Panasonic (phòng đa năng) 1		1	60.478,00	60.478,00									
902	Máy bơm ly tâm Mishuki Q11m3/h, H=15m, N=750W		1	15.814,52	15.814,52		11.070,16							

DVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai						Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác	
					Trong đó	Nguồn khác									
															Nguồn ngân sách
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	
903	Máy phun vữa trát tường GS-NPL VN		1	102.750,75	102.750,75		71.925,52								
904	Tủ điện tổng kích thước 2x (1800x600x400)		1	17.530,79	17.530,79		12.271,55								
905	Kệ đựng bài vẽ 600x1800x5000 VN 1		1	12.434,80	12.434,80		8.704,36								
906	Máy tính xách tay chuyên dụng XS09J (XS09JA-EJ021T) Asus TQ 5		1	16.361,58	16.361,58		11.453,11								
907	Máy tính để bàn FPT 3		1	12.443,26	12.443,26		2.488,65								
908	Gá thử nén xi măng		1	27.576,14	27.576,14		16.545,69								
909	Gá thử uốn xi măng		1	29.340,41	29.340,41		17.604,24								
910	Máy đục bê tông loại lớn dùng điện		1	40.110,25	40.110,25		24.066,15								
911	Bình thử bọt khí bê tông		1	48.132,74	48.132,74		28.879,65								
912	Dụng cụ đo chiều dài 2		1	26.693,46	26.693,46		16.016,07								

DVT cho: Số lượng là: Cái; Giá trị là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguyên ngân sách	Nguyên khác								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
913	Máy tính để bàn thương hiệu VN 7		1	14.339,20	14.339,20		8.603,52							
914	Máy ảnh kỹ thuật số wg40 6		1	6.888,35	6.888,35									
	Tổng cộng		916	41.099.006,12	41.099.006,12		20.071.935,70							

Nguồn: Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công

Thời gian xuất báo cáo: 29/01/2024 19:15:43

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ma Thị Tân
Ma Thị Tân

Thủ trưởng cơ quan
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ths. Nguyễn Bá Khâm
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP.HCM

, ngày 30 tháng 01 năm 2024

